

1

Giải thích: Kiến thức: phát âm

A. /i'vent/

B. /bi'twi:n/

C. /'ɒbdʒɪkt/

D. /'rekɔ:d/

→ **Chọn đáp án: D**

2

Giải thích: Kiến thức: phát âm

A. /'wɪkɪd/

B. /mɪkst/

C. /ni:'dɪd/

D. /'lə:nɪd

→ **Chọn đáp án: B**

3

Giải thích: Kiến thức: trọng âm

A. /ʌn'sə:nti/

B. /æk'tɪvɪti/

C. /prə'sperɪti/

D. /,ʌnɪm'plɔɪmənt/

→ **Chọn đáp án: D**

4

Giải thích: Kiến thức: trọng âm

A. /'prɒdʒu:s/ (nông sản – danh từ)

B. /'mɑ:kɪt/

C. /'ə:bən/

D. /rɪ'pɔ:t/

→ **Chọn đáp án: D**

5

Giải thích: Kiến thức: câu hỏi đuôi

Về trước là khẳng định thì câu hỏi đuôi là phủ định, và ngược lại.

→ **Chọn đáp án C**

6

Giải thích: indifferent (to somebody/something): lãnh đạm, thờ ơ

→ **Chọn đáp án A**

7

Giải thích: Kiến thức: từ loại

A. attraction (n): sự thu hút, sự hấp dẫn

B. attractive (adj): thu hút, hấp dẫn

C. unattractive (adj): không thu hút/hấp dẫn

D. attractively (adv): một cách thu hút, hấp dẫn

→ **Chọn đáp án: B**

8

Giải thích: Kiến thức: từ vựng

A. paramount (adj): tối quan trọng

B. uppermost (adj): cao nhất, trên hết, ở hàng đầu

C. lug (v): kéo lê, kéo mạnh, lôi

D. selective (adj): có lựa chọn, có chọn lọc

→ **Chọn đáp án: A**

9

Giải thích: Kiến thức: cụm từ

Trigger a memory: khơi dậy ký ức

Honour: thể hiện sự tôn trọng

Jog one's memory: khiến ai đột nhiên nhớ thứ g

repress: đè nén (cảm xúc)

→ **Chọn đáp án: C**

10

Giải thích: Kiến thức: thì hiện tại hoàn thành

Dấu hiệu: over the last forty years: trong vòng hơn 40 năm qua => thì hiện tại hoàn thành

→ **Chọn đáp án: D**

11

Giải thích: Công thức so sánh bằng

as + adj + (noun) + as

→ **Chọn đáp án B**

12

Giải thích:

A. go off: nổ, reo chuông, ôi thiu, không còn thích gì đó

- B. come down with sth: đổ bệnh
C. take up: bắt đầu 1 sở thích gì đó
D. get by: xoay sở

→ **Chọn đáp án D**

13

Giải thích:

Đề miêu tả một hành động xảy ra trong quá khứ, ta chia động từ ở thì QKĐ.
Ta không thì QKHT trong câu này vì việc bị tước bằng lái xảy ra sau.

→ **Chọn đáp án C**

14

Giải thích: Quy tắc sắp xếp các tính từ: OPSACOM: Opinion – Price – Size/shape – Age – Color – Origin – Material
New (mới) – age
Black (màu đen) – color
German (từ Đức) - origin

→ **Chọn đáp án C**

15

Giải thích:

Viết đầy đủ: After she he had recovered from the disease, she's more aware of the importance of taking regular exercise.

Rút gọn: Having recovered from the disease, she's more aware of the importance of taking regular exercise.

→ **Chọn đáp án A**

16

Giải thích:

- A. due to + N/cụm N: bởi vì
B. though + mệnh đề: mặc dù
C. because + mệnh đề: bởi vì
D. in spite of + N/Cụm N: mặc dù

→ **Chọn đáp án C**

17

Giải thích:

- A. struggle: đấu tranh
B. rough it: sống không thoải mái trong một thời gian ngắn
C. succumb: chịu thua, chịu đựng, chết
D. tolerate: tha thứ, khoan dung

→ **Chọn đáp án B**

18

→ **Chọn đáp án D**

19

Giải thích:

- A. Hành động xảy ra trong quá khứ nên chia động từ ở thì QK

→ Sai ở động từ "hear"

- B. trước khi nghe thấy tiếng ồn chói tai ngoài đường

→ sai về nghĩa

- C. sau khi chúng tôi nghe thấy tiếng ồn chói tai ngoài đường

- D. Hành động xảy ra trong quá khứ nên chia động từ ở thì QK

→ Sai ở động từ "have heard"

→ **Chọn đáp án C**

20

Giải thích: Kiến thức: từ vựng

- A. catch (v): bắt lấy, đuổi kịp
B. graspe (v): nắm, tóm, hiểu được
C. curb (v): hạn chế, kiềm chế
D. seize (v): chiếm đoạt, nắm lấy Arrest (v): bắt giữ, hãm lại, ngăn lại (điều gì đó xảy ra) = curb

→ **Chọn đáp án: C**

21

Giải thích: Kiến thức: từ vựng

- A. beckon (v): vẫy tay ra hiệu, gật đầu ra hiệu
B. call (v): kêu gọi, gọi

C. wave (v): vẫy tay ra hiệu

Hail (v): gọi (để chào, để lấy sự chú ý...) = call

→ **Chọn đáp án: B**

22

Giải thích: Kiến thức: từ vựng

A. uproarious (adj): om sòm, náo động

C. confused (adj): bối rối

Hilarious (adj): hài hước, vui nhộn >< Depressing

→ **Chọn đáp án: D**

23

Giải thích: Kiến thức: cụm từ

A. làm tốt

C. làm bố mẹ buồn long

Make the grade: đủ khả năng để thành công trong việc gì đó >< fail to get good results

→ **Chọn đáp án: D**

24

Giải thích: Kiến thức: hội thoại giao tiếp

A. Chính xác

C. Cậu có thể nói lại được không?

→ **Chọn đáp án: D**

25

Giải thích: Kiến thức: hội thoại giao tiếp

A. Bạn không cần trả trước bất kỳ khoản phí nào

C. Mỗi người 18 bảng

→ **Chọn đáp án: C**

D. summon (v): triệu hồi, triệu tập

B. thrilling (adj): xúc động, hồi hộp, ly kỳ

D. depressing (adj): làm buồn rầu, làm buồn phiền

B. đỗ với số điểm cao

D. không đạt được điểm tốt

B. Đó là ý kiến của bạn.

D. Tôi không nghĩ vậy

B. Chúng tôi chỉ chấp nhận tiền mặt

D. Sẽ có một khoản phí hủy bỏ

Câu 26 - 30

Tạm dịch:

Thành công, giống như vẻ đẹp, nằm trong mắt của người xem. Cách một người chọn để định nghĩa nó có thể rất khác với cách người khác nhìn nhận nó. Đối với một số người, đó là kiếm được một gia tài, trong khi đối với những người khác, đó là hoạt động thiện nguyện giúp đỡ những người kém may mắn hơn. Nó có tính tương đối chứ không phải tuyệt đối bởi vì một người thành thạo một kỹ năng mới là tự họ đã đạt được thành công chẳng kém gì một người tự trở thành triệu phú.

Trở trêu thay, cũng có thể có một mâu thuẫn đằng sau trong thuật ngữ. Rốt cuộc, một nữ diễn viên có cuộc sống hào nhoáng và dường như có mọi thứ cô ấy muốn thực sự có thể gặp rắc rối vì mất sự riêng tư khi các tay săn ảnh xâm phạm không gian cá nhân của cô ấy.

Nó cũng liên quan đến thời gian mà thành công kéo dài. Nhiều người trẻ tuổi hài lòng với sự nổi tiếng ngắn hạn nhưng mặc dù đúng là đạt được một mục tiêu có thể tương đối đơn giản, việc duy trì thành công thường khó hơn nhiều. Và chắc chắn, thành công lâu dài cuối cùng mới là điều hài lòng nhất và cũng đáng ghen tị nhất?

26

Giải thích: Kiến thức: từ vựng

A. another + N: một thứ khác/ người khác

C. others: những người khác, những vật khác

B. few + N: rất ít, hầu như không

D. much + N: nhiều

For some people, it's earning a fortune, while for (26) _____ it's working in a voluntary position helping those less fortunate.

→ **Chọn đáp án: C**

27

Giải thích: Kiến thức: từ vựng

A. complete (adj): hoàn toàn, đầy đủ

B. separate (adj): riêng rẽ

C. individual (adj): riêng, riêng lẻ, cá nhân

D. underlying (adj): (nguyên nhân, ý tưởng...) đằng sau (thường là rất quan trọng nhưng không dễ dàng nhận thấy)

Ironically, there may also be a(n) 27 _____ contradiction in the term.

→ **Chọn đáp án: D**

28

Giải thích: Kiến thức: từ vựng

- A. evade (v): trốn tránh, lảng tránh
C. distract (v): làm sao lãng, làm lảng đi

- B. invade (v): xâm lấn, xâm phạm (quyền lợi....)
D. extract (v): tách ra, triết xuất ra, trích ra

→ **Chọn đáp án: B**

29

Giải thích: Kiến thức: liên từ

- A. despite + N: tuy nhiên
B. even: ngay cả, thậm chí
C. although + S + V: mặc dù
D. however: tuy nhiên, tuy thế, tuy vậy (khi đứng giữa câu trước however phải có dấu phẩy)

→ **Chọn đáp án: C**

30

Giải thích: Kiến thức: câu chẻ

It is/was + chủ ngữ (chỉ vật) + that + V: chính... là

And surely, it's long-term success (30) _____ is ultimately the most satisfying and also the most enviable?

→ **Chọn đáp án: B**

Câu 31 - 35

Tạm dịch:

Bạn cảm thấy thế nào về thiên nhiên? Sau hàng giờ ở trong nhà, bạn có thường thích ra ngoài đi dạo không? Hoặc nếu bạn làm việc hàng giờ tại bàn văn phòng, bạn có cảm thấy tốt hơn khi nghỉ ngơi và đi thăm công viên địa phương không? Hầu hết mọi người đều nghĩ rằng thiên nhiên tốt cho chúng ta; nó tốt cho cơ thể của chúng ta và tốt cho não của chúng ta. Tuy nhiên, con người đang dành nhiều thời gian ở trong nhà hơn và ít thời gian ra ngoài hơn. Ví dụ: số lượng du khách đến các công viên quốc gia của Canada ngày càng thấp hơn hàng năm. Và ở các quốc gia như Hoa Kỳ, chỉ 10% thanh thiếu niên dành thời gian bên ngoài mỗi ngày. Nhiều bác sĩ cảm thấy rằng đây là một vấn đề ở thế kỷ 20, và điều đó đang khiến sức khỏe thể chất của chúng ta trở nên tồi tệ hơn.

Do đó, một số bác sĩ đang nghiên cứu mối liên hệ giữa thiên nhiên và sức khỏe: một ví dụ về điều này là công trình của bác sĩ Matilda van den Bosch ở Thụy Điển. Bác sĩ cho mọi người làm bài kiểm tra toán. Trong quá trình thử nghiệm, nhịp tim của họ nhanh hơn. Sau bài kiểm tra, một nhóm người đã ngồi trong phòng thực tế ảo 3D trong mười lăm phút với hình ảnh và âm thanh của thiên nhiên. Nhịp tim của họ chậm hơn những người trong nhóm còn lại. Việc tiếp xúc ảo với thiên nhiên đã giúp họ cảm thấy thư thái hơn. Một ví dụ điển hình khác về việc thiên nhiên tốt cho sức khỏe đến từ Canada. Tại Toronto, các nhà nghiên cứu đã nghiên cứu khoảng 31.000 người sống ở các thành phố. Nhìn chung, họ nhận thấy rằng những người khỏe mạnh hơn sống gần công viên.

Vì những nghiên cứu như vậy, một số quốc gia và thành phố muốn thiên nhiên trở thành một phần trong cuộc sống hàng ngày của con người. Ví dụ, ở Dubai, có kế hoạch cho một trung tâm mua sắm mới với một khu vườn rộng lớn để người mua sắm có thể thư giãn bên ngoài với cây cối, thực vật và nước. Ở một số quốc gia, chẳng hạn như Thụy Sĩ, “trường học trong rừng” rất phổ biến, học sinh học các môn học trong rừng và tập thể dục nhiều bên ngoài. Và Hàn Quốc là một ví dụ điển hình khác: nước này có những khu rừng mới gần các thành phố của mình và khoảng 13 triệu người đến thăm những khu rừng này mỗi năm. Vì vậy, sau khi xây dựng các thành phố, đã đến lúc bắt đầu xây dựng lại thiên nhiên.

31

Giải thích: Kiến thức: đọc hiểu

- A. Những ví dụ điển hình về việc đưa thiên nhiên vào trường học
B. Tái tạo thiên nhiên
C. Thiên nhiên tốt cho bạn
D. Một bài kiểm tra để đo nhịp tim của con người

→ **Chọn đáp án: C**

32

Giải thích: Kiến thức: đọc hiểu

- A. đi ra ngoài để có không khí trong lành
B. ngồi vào bàn riêng của họ

C. sống cuộc sống ít vật động

D. có sức khỏe thể chất tốt hơn

→ **Chọn đáp án: C**

33

Giải thích: Kiến thức: đọc hiểu

Most people think that nature is good for us; it is good for our bodies and good for our brains.

→ it = nature

→ **Chọn đáp án: B**

34

Giải thích: Kiến thức: từ vựng

A. connection (n): sự liên quan, sự liên lạc, mối quan hệ

B. avoidance (n): sự tránh xa

C. touch (n): sự đụng, sự chạm

D. approach (n): sự tiếp cận

Contact (n): sự tiếp xúc = connection

→ **Chọn đáp án: A**

35

Giải thích: Kiến thức: đọc hiểu

A. Hàng năm, số lượng khách du lịch đến các Công viên Quốc gia của Canada ngày càng giảm.

B. Các bác sĩ cho biết sức khỏe thể chất của chúng ta bị suy giảm do lựa chọn thực phẩm và căng thẳng.

C. Khi được tiếp xúc với thiên nhiên, con người cảm thấy thoải mái hơn.

D. Học sinh học tập trong rừng ở một số nước và tập thể dục nhiều ở bên ngoài.

→ **Chọn đáp án: B**

Câu 36 - 42

Tạm dịch:

Nói đến chất xám, quan điểm từ lâu về việc 'sử dụng nó, hoặc đánh mất nó' vẫn đúng ngay từ đầu. Những em bé nhận được tình yêu thương và sự khuyến khích từ cha mẹ sẽ phát triển các kết nối thần kinh mà chúng cần để có được trong cuộc sống. Nhưng điều gì sẽ xảy ra với những người không nhận được điều này? Chúng lớn lên có kém sáng sủa hơn các bạn cùng lứa tuổi được nuôi dưỡng không? Sẽ thật an ủi khi tin rằng những đứa trẻ bị thiếu thốn sẽ thoát khỏi ảnh hưởng lâu dài do còn quá nhỏ để biết nói, hoặc nhận ra bất kỳ sự khác biệt nào, nhưng bằng chứng cho thấy ngược lại. Tại một cuộc họp gần đây của Hiệp hội Y khoa Hoàng gia, các bác sĩ đã được xem các slide được chụp bằng một máy quét cực mạnh để so sánh não của những đứa trẻ ba tuổi 'bình thường' với những đứa trẻ được nuôi dưỡng trong hoàn cảnh thiếu thốn hoặc trong trại trẻ mồ côi. Công trình được thực hiện bởi Tiến sĩ Bruce Perry thuộc Học viện Chấn thương Trẻ em ở Houston, Texas. Kết quả quét cho thấy các vùng não trước-thái dương, những vùng chịu trách nhiệm về tính cách và cho phép một người thể hiện và điều chỉnh cảm xúc, cho thấy rất ít hoạt động. Trong nhiều năm, các nhà khoa học đã biết rằng động vật được nuôi trong môi trường giàu có có bộ não lớn hơn và phức tạp hơn động vật lớn lên trong điều kiện thiếu thốn, vì vậy các chuyên gia như Perry dự đoán rằng điều tương tự cũng đúng với con người. Tuy nhiên, chỉ đến bây giờ, nhờ các máy quét mạnh cho phép đưa lý thuyết này vào thử nghiệm, người ta mới thấy rõ ảnh hưởng. Perry giải thích lý do của sự bất thường là do não bộ phát triển theo cách 'phụ thuộc vào việc sử dụng', lớn lên, tổ chức và làm việc theo kinh nghiệm. Với sự kích thích thích hợp, não bộ sẽ tạo ra các kết nối mà nó cần. Nếu không có nó, các khớp thần kinh, nơi tiếp giáp giữa các nơ-ron được sử dụng để vận chuyển thông điệp của não, sẽ tan biến theo đúng nghĩa đen. Perry nói: "những trải nghiệm khó khăn đóng một vai trò quan trọng trong việc tổ chức hệ thống thần kinh trong não bộ đang phát triển; nói cách khác, điều trị không tốt trong thời kỳ sơ sinh dẫn đến hệ thống dây dẫn trong não bị lỗi. Đáng chú ý, tốc độ hình thành các khớp thần kinh mới là cao nhất trong tám tháng đầu đời.

May mắn thay, các bộ phận khác nhau của não phát triển với tốc độ khác nhau, vì vậy tổn thương có thể chỉ giới hạn ở các bộ phận đang tổ chức tích cực tại thời điểm căng thẳng hoặc bị bỏ bê. Perry mô tả những khoảng thời gian này là "cửa sổ cơ hội" tồn tại cho các chức năng não khác nhau. Nếu các kết nối giữa các tế bào thần kinh không được phát triển ở giai đoạn quan trọng, chúng có thể không phát triển. Các khớp thần kinh liên quan đến thị giác hoạt động mạnh nhất khi trẻ được tám tháng. Một đứa trẻ sinh ra với bệnh đục thủy tinh thể, được cắt bỏ khi được hai tuổi, sẽ vẫn bị mù, vì cơ hội đã trôi qua.

Sự tương tác giữa đứa trẻ và những người chăm sóc nó là rất quan trọng để dạy cho não bộ hoạt động bình thường. Bằng cách chơi và nói chuyện với con mình, người mẹ làm cho trẻ sơ sinh tránh khỏi tiếng

ồn ào tranh giành. Giao tiếp này huấn luyện một phần của não để điều chỉnh cảm xúc để trẻ có thể hoạt động hàng ngày mà không phải bị ảnh hưởng bởi sự bốc đồng và cảm tính.

Tuy nhiên, bất chấp những tổn thương do căng thẳng và chấn thương trong thời thơ ấu, Perry, giống như hầu hết các bác sĩ lâm sàng, lạc quan rằng can thiệp có thể giúp ích, vì vỏ não, chất xám chịu trách nhiệm cho chức năng não cấp cao, dễ uốn và có khả năng thay đổi. Ông được ủng hộ bởi bác sĩ tâm thần trẻ em Dora Black, người sáng lập Phòng khám căng thẳng chấn thương ở London, người làm việc với những trẻ em bị chấn thương nặng. Cô khẳng định đã có bằng chứng về thần kinh cho thấy, mặc dù chấn thương có thể ảnh hưởng đến vùng lời nói trong não, nhưng chức năng này có thể trở lại nếu trẻ nhận được sự giúp đỡ đủ sớm. “Thật không may,” Perry thừa nhận, “điều chúng tôi không biết là mức độ thiếu thốn cần bao nhiêu để ngăn cản sự phục hồi những biểu hiện bình thường của các kỹ năng cảm xúc, nhận thức hoặc xã hội khác nhau.

36

Giải thích: Kiến thức: đọc hiểu

- A. Tổn thương não ở trẻ em
- B. Làm thế nào để can thiệp chấn thương mà trẻ gặp phải?
- C. Bộ não hoạt động như thế nào?
- D. Học để sống

→ **Chọn đáp án: D**

37

Giải thích: Kiến thức: từ vựng

- A. process (v): xử lý (tài liệu, yêu cầu...)
- B. tackle (v): giải quyết
- C. disappear (v): biến mất
- D. decay (v): phân rã, đổ nát

Dissolve (v): tan biến, biến mất = Disappear

→ **Chọn đáp án: C**

38

Giải thích: Kiến thức: đọc hiểu

- A. trẻ sơ sinh không phản ứng với giao tiếp bằng lời nói.
- B. những em bé mô côi cha mẹ, lớn lên sẽ kém sáng sủa hơn những em bé có cha mẹ.
- C. não của trẻ sơ sinh chưa phát triển đầy đủ khi mới sinh.
- D. những em bé thiếu thốn tình cảm và sự chăm sóc không bị tổn thương lâu dài về tình cảm.

→ **Chọn đáp án: B**

39

Giải thích: Kiến thức: đọc hiểu

- A. Não
- B. sự kích thích thích hợp
- C. máy quét mạnh
- D. lý thuyết, học thuyết

→ **Chọn đáp án: B**

40

Giải thích: Kiến thức: đọc hiểu

- A. strong (adj): bền, vững, chắc chắn
- B. stiff (adj): cứng, cứng đờ, ngay đơ
- C. flexible (adj): mềm dẻo, linh hoạt
- D. vigorous (adj): mạnh khỏe, cường tráng

Malleable (adj): dễ uốn, dẻo = flexible

→ **Chọn đáp án: C**

41

Giải thích: Kiến thức: đọc hiểu

- A. Phần não liên quan đến thị giác có thể không bao giờ hoạt động bình thường nếu không được kích hoạt trước 8 tháng tuổi
- B. Các nhà khoa học chỉ gần đây mới có thể chứng minh ảnh hưởng của việc thiếu thốn tình cảm lên não bộ của trẻ em với sự hỗ trợ của công nghệ thông thường
- C. Nghiên cứu được thực hiện trên động vật đã giúp làm sáng tỏ lý thuyết về trẻ em bị thiếu thốn.
- D. Trẻ em được nuôi dưỡng trong điều kiện khắc nghiệt có xu hướng mắc chứng thiếu linh hoạt về cảm xúc

→ **Chọn đáp án: A**

42

Giải thích: Kiến thức: đọc hiểu

- A. Tác động của chấn thương thời thơ ấu đối với lời nói có thể được thay đổi
- B. Tương tác với trẻ nhỏ sẽ giúp ngăn trẻ quá nhạy cảm
- C. Thị lực của trẻ em sẽ trở nên kém đi khi chúng được hai tuổi

D. Bộ não của động vật và con người hoạt động giống nhau

→ **Chọn đáp án: A**

43

Giải thích: Kiến thức: từ vựng

Crucial (adj): quyết định; cốt yếu, chủ yếu

Cruel (adj): độc ác, ác ý

Sửa: crucial → cruel

→ **Chọn đáp án: B**

44

Giải thích: Kiến thức: thì quá khứ đơn

Hành động xảy ra trong quá khứ nên chia động từ ở quá khứ

Sửa: earn → earned

→ **Chọn đáp án A**

45

Giải thích:

Đại từ nhân xưng ở đây thay thế cho danh từ số ít “the project” nên:

Sửa: them → it

→ **Chọn đáp án D**

46

Giải thích:

A. Falla phủ nhận việc chi một số tiền lớn cho cuốn sách vô giá trị đó.

B. Falla hứa sẽ chi một số tiền lớn cho cuốn sách vô giá trị đó.

C. Falla thừa nhận đã chi một số tiền lớn cho cuốn sách vô giá trị đó.

D. Falla hối hận vì đã không chi một số tiền lớn cho cuốn sách vô giá trị đó.

→ Chọn đáp án C

47

Giải thích:

= B. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cảnh tượng ngoạn mục như thế này trước đây.

A/ C sai nghĩa.

D saw chia sai.

→ **Chọn đáp án B**

48

Giải thích:

A. Johny không thể sử dụng điện thoại thông minh của mình trong bài kiểm tra vì anh ấy đã hoàn thành nó chỉ trong 5 phút.

B. John không cần sử dụng điện thoại thông minh của mình trong bài kiểm tra vì anh ấy đã hoàn thành nó chỉ trong 5 phút.

C. Johny có thể đã sử dụng điện thoại thông minh của mình trong bài kiểm tra vì anh ấy đã hoàn thành nó chỉ trong 5 phút.

D. Johny chắc hẳn đã sử dụng điện thoại thông minh của mình trong bài kiểm tra vì anh ấy đã hoàn thành nó chỉ trong 5 phút.

→ **Chọn đáp án D**

49

Giải thích: Kiến thức: ngữ pháp

A. Nếu Daisy không u sầu, cô ấy có thể làm gì đó ngoài việc khóc suốt ngày.

→ sai về nghĩa

B. Daisy không những bị u sầu mà còn không biết làm gì ngoài việc khóc suốt ngày.

→ sai về nghĩa

C. Daisy u sầu đến mức cô ấy không thể làm gì khác ngoài việc khóc cả ngày.

D. Giả sử rằng Daisy u sầu, cô ấy sẽ không làm gì khác ngoài việc khóc cả ngày.

→ sai về nghĩa

Cấu trúc:

*It is/was such + (a/an) + a*** + Noun + that... = Such was/were + (a/an) + Noun + that.: quá .. đến nỗi mà*

→ **Chọn đáp án: C**

50

Giải thích:

Tạm dịch: Joe không ở đây với chúng ta. Anh ấy sẽ biết cách khắc phục sự cố kỹ thuật này.

A. Nếu Joe ở đây với chúng ta, anh ấy sẽ không biết cách khắc phục sự cố kỹ thuật này.

→ sai nghĩa

B. Joe sẽ biết cách khắc phục sự cố kỹ thuật này ngay cả khi anh ấy không ở đây với chúng ta.

C. Chúng tôi ước Joe ở đây với chúng ta và khắc phục sự cố kỹ thuật này.

→ sai ở động từ “fix”

D. Giả như Joe ở đây với chúng ta để giúp khắc phục sự cố kỹ thuật này.

→ **Chọn đáp án D**

--- THE END ---